

Bản án số: 162/2023/HS-PT

Ngày: 17/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

T2 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Lệ;

Ông Thái Duy Nhiệm.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 964/2022/TLPT-HS ngày 17 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Vy Văn M1. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2022/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

1. Bị cáo có kháng cáo: **Vy Văn M1** (tên gọi khác: Vy Văn M2; Vi Văn M1), sinh ngày 02 tháng 9 năm 1968 tại huyện V, tỉnh L; nơi đăng ký thường trú: Thôn CN, xã TM, huyện V, tỉnh L; chỗ ở: Số 146, đường LT, khu HV, thị trấn DD, huyện CL, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vy Cẩm S1 và bà Phạm Thị T1 (đã chết); có vợ Mông Thị L1 và có 02 con sinh năm 1993 và 1999; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 119/HS-ST ngày 16/9/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh L xử phạt bị cáo 08 năm tù, về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Bản án số 25/HS-ST ngày 12-3-2003 của Tòa án nhân dân tỉnh L xử phạt bị cáo 01 năm tù, về tội Không tố giác tội phạm (đều đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/10/2021 cho đến nay; Hiện tạm giam tại Trại tạm giam – Công an tỉnh L; có mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Vy Văn M1:

Bà Chu Thị Nguyễn P7, Luật sư Văn phòng luật sư N9 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L; có mặt.

Bà Nguyễn Phương N9 và ông Hoàng Minh P8, Luật sư Văn phòng Luật sư số 10 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

3. Người làm chứng:

Anh Hà Viết T2, sinh năm 1965; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

Anh Vi Văn T3 (Vi Xuân T3), sinh năm 1967; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

4. Ngoài ra trong vụ án còn có: 06 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L tiếp nhận đơn tố giác đề ngày 13/4/2021 của Hà Viết T2, về việc tố giác hành vi mua bán ma túy của Vy Văn M1. Căn cứ kết quả điều tra, xác minh nội dung đơn tố giác tội phạm của Hà Viết T2, ngày 09/6/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự; ngày 07/10/2021 ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt tạm giam đối với Vy Văn M1. Kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy: Trong thời gian cải tạo tại Trại giam Phú Sơn 4 - Bộ Công an, Vi Văn T3 quen Hà Viết T2. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, khoảng tháng 5/2013, Vi Văn T3 đến nhà Hà Viết T2 để bàn việc mua bán ma túy Heroine; Vi Văn T3 lấy ma túy đến xã TM, huyện V, tỉnh L bán cho Hà Viết T2 với giá 190.000.000 đồng/bánh, khi nào bán được ma túy mới phải trả tiền; Hà Viết T2 đồng ý và hẹn khi nào tìm được khách mua ma túy thì sẽ báo cho Vi Văn T3 biết. Sau đó, Hà Viết T2 gặp Vy Văn M1 bàn việc mua bán ma túy Heroine. Hà Viết T2 nói, Hà Viết T2 có mỗi mua Heroine với giá 190.000.000đồng/bánh, bán ma túy xong mới phải trả tiền. Vy Văn M1 bảo Hà Viết T2 lấy ma túy về để Vy Văn M1 mang sang Trung Quốc bán với giá khoảng 240.000.000đồng/1 bánh, tiền lãi sẽ chia đôi. Sau khi bàn bạc với Vy Văn M1, Hà Viết T2 gọi Vi Văn T3 và Vy Văn M1 đến nhà Hà Viết T2 để bàn việc mua bán ma túy. Hà Viết T2 giới thiệu Vy Văn M1 với Vi Văn T3 và cho Vi Văn T3 biết Vy Văn M1 là người cùng Hà Viết T2 mua bán ma túy. Vy Văn M1 nói cho Vi Văn T3 biết việc Vy Văn M1 có khách mua ma túy bên Trung Quốc. Vi Văn T3 đồng ý bán ma túy cho Hà Viết T2 và Vy Văn M1 với giá 190.000.000đồng/1 bánh, khi bán ma túy xong mới phải trả tiền cho Vi Văn T3. Buổi tối cùng ngày, Vy Văn M1 gọi Vi Văn T3 đến nhà Vy Văn M1 để bàn cụ thể cách thức liên lạc, giao nhận ma túy. Vi Văn T3 nói khi nào có ma túy sẽ gọi điện báo cho Vy Văn M1 và Hà Viết T2 biết trước về số lượng ma túy, thời gian và địa điểm giao nhận ma túy. Để thuận lợi cho việc thanh toán tiền mua bán ma

túy, Vi Văn T3 liên hệ với bà Lê Bích T4 là chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng bạc KH tại khu AN, thị trấn H, huyện H, tỉnh L để đổi tiền Việt Nam (VND) lấy tiền Đô la Mỹ (USD). Bà Lê Bích T4 liên hệ với ông Nguyễn Duy T5 là Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn vàng bạc MT; ông Nguyễn Duy T5 cho bà Lê Bích T4 số tài khoản 1483205016620 của anh Nguyễn Văn T6 là nhân viên Công ty Trách nhiệm Hữu hạn vàng bạc MT và bảo khi nào nhận được tiền VND, ông Nguyễn Duy T5 sẽ đổi sang tiền USD trả cho bà Lê Bích T4. Sau khi thống nhất với ông Nguyễn Duy T5, bà Lê Bích T4 bảo Vi Văn T3 khi nào đổi tiền thì chuyển tiền đến số tài khoản 1483205016620, Vi Văn T3 đồng ý. Sau khi bàn bạc, thỏa thuận, thống nhất; Vi Văn T3 đã bán ma túy Heroine cho Hà Việt T2 và Vy Văn M1, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 6/2013, Vi Văn T3 mua 20 bánh ma túy Heroine với Vi Thị H1. Vi Thị H1 thuê Lô Quang T7 vận chuyển ma túy từ Nghệ An ra Lạng Sơn giao cho Vi Văn T3. Quá trình vận chuyển, Lô Quang T7 và Vi Văn T3 liên lạc với nhau qua điện thoại để biết sự di chuyển và thống nhất địa điểm giao nhận ma túy tại ngã ba đường bê tông, thuộc Thôn CN, xã TM, huyện V, tỉnh L. Khi biết Lô Quang T7 vận chuyển ma túy gần đến nơi, Vi Văn T3 gọi điện cho Hà Việt T2 và Vy Văn M1 đến ngã ba đường bê tông, Thôn CN để nhận ma túy; đồng thời Vi Văn T3 cũng đến ngã ba đường bê tông Thôn CN để chờ nhận ma túy với Lô Quang T7 rồi giao luôn cho Hà Việt T2 và Vy Văn M1; hôm đó chỉ có Hà Việt T2 ra nhận ma túy. Khi xe ô tô khách đến ngã ba đường bê tông Thôn CN, Lô Quang T7 xách theo 01 ba lô đựng 20 bánh Heroine xuống xe, Lô Quang T7 nhìn thấy Vi Văn T3 đang ở gần đó và giao ba lô đựng ma túy cho Vi Văn T3 bằng cách để ba lô ma túy trên vỉa hè rồi đi luôn. Tiếp đó, Vi Văn T3 điện thoại báo Hà Việt T2 đến lấy ba lô đựng ma túy mà Lô Quang T7 để trên vỉa hè. Hà Việt T2 lấy ba lô đựng ma túy mang về nhà, Vi Văn T3 cũng rời đi luôn. Về đến nhà, Hà Việt T2 mở ba lô ma túy ra đếm thấy đủ 20 bánh Heroine, cùng ngày Hà Việt T2 giao cho Vy Văn M1 chiếc ba lô đựng 20 bánh Heroine để đi bán. Khoảng 01 tuần sau, Vy Văn M1 gọi điện báo cho Vi Văn T3 là đã bán được ma túy. Vi Văn T3 bảo Vy Văn M1 chuyển tiền đến số tài khoản 1483205016620. Vy Văn M1 mang tiền Trung Quốc đến đổi với bà Phạm Thị T8 để lấy tiền VND; Vy Văn M1 nhận một phần tiền mặt với bà Phạm Thị T8, phần còn lại M1 bảo bà T8 chuyển đến số tài khoản 1483205016620; sau đó Vy Văn M1 gọi điện báo cho Vi Văn T3 biết đã chuyển tiền. Vi Văn T3 gọi điện báo cho bà Lê Bích T4 biết là người của T3 đã chuyển tiền đến số tài khoản 1483205016620, Bà T4 gọi điện báo cho ông Nguyễn Duy T5 biết là đã chuyển tiền đến số tài khoản 1483205016620. Khi ông Nguyễn Duy T5 xác nhận với bà Lê Bích T4 là đã nhận được tiền thì bà T4 gọi điện cho Vi Văn T3 xác nhận đã nhận được tiền, T3 gọi điện cho Vy Văn M1 xác nhận đã nhận được số tiền như M1 thông báo. Tiếp sau đó, ông Nguyễn Duy T5 bảo anh Nguyễn Văn T6 đi rút số tiền do Vy Văn M1 chuyển đến rồi đổi sang tiền USD trả cho bà Lê Bích T4 và bà Lê Bích T4 trả cho Vi Văn T3 theo tỷ giá mà các

bên đã thỏa thuận. Do Vy Văn M1 trả tiền ma túy cho Vi Văn T3 qua tài khoản chưa đủ, nên Vi Văn T3 đến nhà Vy Văn M1 nhận với M1 số tiền còn lại. Sau khi thanh toán tiền mua ma túy với Vi Văn T3 xong, Vy Văn M1 chia cho Hà Viết T2 khoảng 500.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Với cách thức giao dịch, mua bán ma túy và thanh toán tiền như lần trước; vào khoảng tháng 9/2013, Vi Văn T3 bán 28 bánh ma túy Heroine cho Hà Viết T2 và Vy Văn M1. Sau khi thanh toán tiền mua ma túy xong, Vy Văn M1 chia cho Hà Viết T2 khoảng 550.000.000 đồng.

Tại Công văn số 113/PC09 ngày 13/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L cho biết khối lượng trung bình của 01 bánh ma túy Heroine khoảng từ 320 gam đến 380 gam.

Về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy: Ngày 12/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L tiến hành khám xét chỗ ở của Vy Văn M1, đã phát hiện và thu giữ 01 túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng; tại Kết luận giám định số 332/KL-PC09 ngày 16/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L, kết luận: Chất tinh thể màu trắng thu giữ khi khám xét chỗ ở của Vy Văn M1 gửi giám định là chất ma túy Methamphetamine có khối lượng 3,671 gam (đã trừ bì). Quá trình điều tra: Bị cáo Vy Văn M1 khai nhận, số ma túy mà Cơ quan điều tra thu giữ tại nơi ở của bị cáo vào ngày 12/10/2021 này, bị cáo mua tại khu vực ngã tư Mỹ Sơn với 01 nam thanh niên không quen biết để sử dụng, nhưng chưa sử dụng hết. Bị cáo và Vi Văn T3, Hà Viết T2 có quen nhau và không có mâu thuẫn với nhau; bị cáo không được bàn bạc việc mua bán ma túy với Vi Văn T3 và Hà Viết T2; không được nhận ma túy và chuyển tiền mua ma túy như Vi Văn T3 và Hà Viết T2 đã khai.

Bà Phạm Thị T8 khai: Bà làm nghề kinh doanh thu đổi ngoại tệ tại thị trấn DD, huyện CL, tỉnh L theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Quyết định của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh L. Trong năm 2013, Vy Văn M1 đã nhiều lần mang tiền Trung Quốc đến đổi với bà để lấy tiền VNĐ. Mỗi lần đổi tiền, Vy Văn M1 bảo bà chuyển một phần tiền đến số tài khoản 1483205016620 do Vy Văn M1 cung cấp, một phần trả trực tiếp cho Vy Văn M1. Trường hợp số dư trong tài khoản của bà không còn đủ để chuyển khoản theo yêu cầu của Vy Văn M1, thì bà nộp tiền mặt tại phòng giao dịch của Ngân hàng. Bà không biết nguồn gốc số tiền mà Vy Văn M1 đổi, không biết chủ số tài khoản 1483205016620 là ai, không có quan hệ làm ăn gì với người tên Nguyễn Văn T6, Nguyễn Duy T5.

Cơ quan điều tra đã thu thập tài liệu tại Ngân hàng liên quan đến giao dịch chuyển tiền từ tài khoản của bà Phạm Thị T8 đến số tài khoản 1483205016620 của Nguyễn Văn T6. Từ ngày 04/7/2013 đến ngày 18/10/2013 thông qua bà Phạm Thị T8, Vy Văn M1 đã chuyển khoản đến số tài khoản 1483205016620 với tổng số tiền là 21.550.000.000 đồng; cụ thể như sau: Ngày 04/7/2013, Phạm Thị T8 chuyển khoản 1.550.000.000 đồng từ tài khoản số 8402211000058 mở

tại Ngân hàng Agribank; Ngày 05/8/2013, Phạm Thị T8 chuyển khoản 2.000.000.000 đồng từ tài khoản số 8402211000058 mở tại Ngân hàng Agribank; Ngày 14/8/2013, Phạm Thị T8 nộp 1.300.000.000 đồng tại quầy Ngân hàng Vietinbank; Ngày 14/8/2013, Phạm Thị T8 chuyển khoản 1.700.000.000 đồng từ số tài khoản 35210000001196 mở tại Ngân hàng BIDV; Ngày 11/9/2013, Phạm Thị T8 chuyển khoản 1.600.000.000 đồng từ tài khoản số 8402211000058 mở tại Ngân hàng Agribank; Ngày 11/9/2013, Phạm Thị T8 chuyển khoản 400.000.000 đồng từ số tài khoản 35210000012408 mở tại Ngân hàng BIDV; Ngày 20/9/2013, Phạm Thị T8 nộp 4.000.000.000 đồng tại quầy Ngân hàng Vietinbank; Ngày 27/9/2013, Phạm Thị T8 nộp 4.000.000.000 đồng tại phòng giao dịch Ngân hàng BIDV DD; Ngày 18/10/2013, Phạm Thị T8 nộp 5.000.000.000 đồng tại quầy Ngân hàng Vietinbank.

Vi Văn T3 khai: Tất cả các khoản tiền được chuyển đến số tài khoản 1483205016620 nói trên, đều do Vy Văn M1 chuyển trả tiền mua ma túy với Vi Văn T3; trong đó khoản tiền 1.550.000.000 đồng là để thanh toán cho chuyển 20 bánh ma túy, khoản 4.000.000.000 đồng là để thanh toán cho chuyển 28 bánh ma túy mà Vi Văn T3 đã bán cho Vy Văn M1 và Hà Viết T2. Số tiền chuyển khoản còn lại là để trả cho những lần Vy Văn M1 và Triệu Văn H2 mua ma túy với Vi Văn T3.

Ông Nguyễn Duy T5 và anh Nguyễn Văn T6 khai: Được cung cấp cho bà Lê Bích T4 số tài khoản 1483205016620 của Nguyễn Văn T6 mở tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Thủ Đô để khách chuyển khoản tiền VND rồi rút ra để đổi sang tiền USD và chuyển cho bà Lê Bích T4.

Bà Lê Bích T4 khai: Những khoản tiền được chuyển đến số tài khoản 1483205016620 của Nguyễn Văn T6 nói trên là do người của Vi Văn T3 chuyển đến để đổi sang USD. Bà có hỏi Vi Văn T3 về nguồn gốc tiền thì Vi Văn T3 nói là tiền mua bán quặng.

Cáo trạng số 53/CT-VKSLS-P2 ngày 18/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L đã truy tố bị cáo Vy Văn M1, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2022/HS-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L, đã quyết định: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều 20, 53, 45, 35 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị Quyết 41/2017/QH.14; điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 58, 50, 40, 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 1 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa

14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vy Văn M1 phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Vy Văn M1: Tử hình về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là: Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung đối với bị cáo 100.000.000 (một trăm triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận vợ bị cáo là bà Mông Thị L1 đã nộp số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000414 ngày 05/8/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Vy Văn M1 có đơn kháng cáo, nội dung không được mua bán ma túy với Vi Văn T3 và Hà Viết T2, nên bản án sơ thẩm tuyên M1 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy là oan sai.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Vy Văn M1 giữ nguyên nội dung kháng cáo kêu oan, bị cáo cho rằng bản thân không Mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo thừa nhận có quen biết và không có mâu thuẫn với Vi Văn T3, Hà Viết T2 nhưng từ năm 2019 bị cáo làm việc tại Hợp tác xã HT nên có mâu thuẫn với người nhà của Hà Viết T2. Bị cáo và bà Phạm Thị T8 là hàng xóm và không có mâu thuẫn gì; bị cáo không biết tại sao khi bà Phạm Thị T8 chuyển tiền đến số tài khoản 1483205016620 lại ghi tên người chuyển là bị cáo; nhất trí tội danh và hình phạt tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Người làm chứng Hà Viết T2 trình bày: Do thời gian đã lâu nên không nhớ được chi tiết, T2 khẳng định lời khai tại cơ quan điều tra là chính xác, đúng diễn biến sự việc, nhiều lần mua bán ma túy giữa T2, T3 và M1. Việc M1 cho rằng vì mâu thuẫn với người nhà T2 là không có căn cứ.

Người làm chứng anh Vi Văn T3 trình bày: Do thời gian đã lâu nên không nhớ được chi tiết, T3 khẳng định lời khai tại cơ quan điều tra là chính xác, đúng diễn biến sự việc, nhiều lần mua bán ma túy với T2.

Quan điểm của các Luật sư bào chữa cho bị cáo: Các Luật sư đều đồng tình với tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt bản án sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy, các Luật sư cho rằng: Lời khai của người làm chứng là anh Vi Văn T3 và Anh Hà Viết T2 không đảm bảo tính khách quan, vì không nhớ chính xác về số lượng ma túy và thời gian bán ma túy; tại phiên tòa, lời khai của người làm

chứng có sự mâu thuẫn với nhau, mâu thuẫn với lời khai của chính mình tại Cơ quan điều tra; trước đó Hà Viết T2 không nhận tội, không khai ra Vy Văn M1 nhưng khi phải đối diện với Bản án tử hình mới viết đơn tố giác Vy Văn M1, vì vậy việc tố giác đó không đảm bảo khách quan. Mặt khác, không có căn cứ nào chứng minh bị cáo Vy Văn M1 nhận ma túy từ Hà Viết T2. Bên cạnh đó, không có cơ sở pháp lý nào để chứng minh Vi Văn T3, Hà Viết T2 đưa số tài khoản 1483205016620 cho Vy Văn M1, không có căn cứ những khoản tiền mà bà Phạm Thị T8 chuyển đến số tài khoản nói trên là do Vy Văn M1 nhờ chuyển; thực tế tổng số tiền mà bà Phạm Thị T8 chuyển đến số tài khoản nói trên nhiều hơn trị giá 48 bánh ma túy Heroine mà Vy Văn T3 giao bán, nên không có căn cứ vững chắc để quy buộc bị cáo Vy Văn M1 mua bán 48 bánh ma túy Heroine... Do vậy, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án đúng quy định của pháp luật, tránh oan sai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo của bị cáo, kết luận: bị cáo Vy Văn M1 (M2) bị xử phạt về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan; xử phạt bị cáo Vy Văn M1: Tử hình về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là Tử hình là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Đối với bà Phạm Thị T8, bà Lê Bích T4, anh Nguyễn Văn T6 và ông Nguyễn Duy T5 đã được triệu tập lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội:

[2.1]. Về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy: Bị cáo Vy Văn M1 (M2) thừa nhận: Ngày 12/10/2021, Công an tỉnh L tiến hành khám xét chỗ ở của Vy Văn M1, thu giữ 01 túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng, qua giám định là chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng 3,671 gam (đã trừ bì). Với hành vi nêu

trên, bị cáo Vy Văn M1 phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Vy Văn M1 nhất trí việc bản án sơ thẩm quy kết theo tội danh, điểm, khoản, điều luật nêu trên, nhất trí mức hình phạt 02 (hai) năm tù nên không có kháng cáo.

[2.2]. Về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy: Bị cáo Vy Văn M1 (M2) cho rằng không phạm tội, không được thực hiện việc mua bán ma túy với T2 và T3, không được chuyển tiền đến số tài khoản 1483205016620, không biết tại sao tài khoản ghi tên bị cáo. Xét thấy:

[2.2.1]. Căn cứ lời khai của Vi Văn T3 và bản tường trình tại cơ quan điều tra, T3 xác định quá trình mua bán ma túy còn một số người cùng vận chuyển, mua bán ma túy, trong đó có Vy Văn M1 (M2) trú tại DD, V; lời khai của T3 thể hiện khoảng tháng 5/2013, T3 gặp T2 bàn việc mua bán ma túy, T3 lấy ma túy lên DD bán cho T2 với giá 190 triệu đồng/01 bánh, T2 bán xong mới phải trả tiền. Sau đó, T2 gọi T3 đến nhà được T2 giới thiệu Vy Văn M1 (M2) cùng T2 mua ma túy của T3, M1 (M2) nói có khách mua ma túy bên Trung Quốc, ba người thoả thuận với nhau, T3 sẽ lấy ma túy lên khu vực DD giao cho T2 và M1 (M2) với giá 190 triệu đồng/1 bánh Heroin, T3 có bao nhiêu cũng mua hết, sau khi giao ma túy trong thời gian khoảng 1 tuần, T2 và M1 (M2) phải trả tiền bằng cách chuyển vào 1 tài khoản Ngân hàng do T3 cung cấp. Sau đó, T3 được M1 (M2) gọi đến nhà bàn cụ thể khi nào có Heroin, địa điểm giao nhận, cách thức liên lạc, giao nhận ma túy, khi nào có ma túy thì T3 gọi cho M1 (M2) hoặc T2 biết trước số lượng, thời gian, địa điểm, người giao ma túy có thể là T3 hoặc người của T3. T3 nhớ hai lần bán ma túy cho M1 (M2) và T2, lần 1 khoảng tháng 3/2013 mua 20 bánh Heroin của Vi Thị H1, H1 thuê Lô Quang T7 vận chuyển ma túy cho T3 ra Ngã 3 đường Bê tông, Thôn CN, xã TM, huyện V gặp T3, T3 gọi T2 và M1 (M2) ra nhận (T3 ở DD chờ), khi T7 gần đến T3 gọi điện cho M1 (M2) và T2 cùng đi đón tại địa điểm Ngã 3 đường Bê tông, T7 xuống xe đặt túi ma túy xuống cạnh đường, T3 bảo M1 (M2) và T2 đến gặp T7 nhận túi ma túy, lần này không nhớ T2 hay M1 (M2) nhận. Sau đó khoảng 1 tuần, M1 (M2) gọi cho T3 thông báo đã bán ma túy xong, T3 nhắn cho M1 (M2) số tài khoản mang tên Nguyễn Văn T6 ở Hà Nội, bảo M1 (M2) chuyển tiền vào tài khoản đó, T3 nhờ Lê Bích T4 nhận tiền giúp, T4 cho số tài khoản của anh T5 để khách của T3 chuyển tiền Việt Nam đến tài khoản đó. Sau đó T7 chuyển đổi sang Đôla Mỹ trả T3, thống nhất chuyển tiền chẵn vào tài khoản, số lẻ thì gặp nhau thanh toán cụ thể, M1 (M2) đã chuyển 04 tỷ đồng; lần 2 khoảng tháng 9, 10/2013, T3 mua của Vi Thị H1 28 bánh Heroin, H1 thuê Lô Quang T7 đi nhận và chuyển ra Đồng Đăng cho T3,... Khi T7 gần đến, T3 gọi điện cho T2 đến nhận, khoảng 1 tuần sau M1 (M2) gọi điện thông báo đã bán được ma túy, T3 bảo M1 (M2) chuyển vào tài khoản trước đây trả T3, M1 (M2) chuyển 05 tỷ đồng, sau đó bà T4 thông báo đã nhận được tiền, T3 đến gặp T4 nhận tiền Đôla Mỹ đã quy đổi.

[2.2.2]. Lời khai của T3 phù hợp với lời khai của Hà Viết T2, thể hiện khi Vi Văn T3 bảo có nguồn ma túy cần bán, T2 đã rủ Vy Văn M1 (M2) cùng tham gia và M1 (M2) đã đồng ý, nên T2 đã giới thiệu M1 (M2) với Vi Văn T3, sau đó T3, T2 và M1 (M2) gặp nhau bàn về mua bán ma túy, cách thức giao, cách thức thanh toán, địa điểm giao,... T3 bán 190triệu đồng/1 bánh Heroin, M1 (M2) là người trực tiếp đem bán sang Trung Quốc với giá 240triệu đồng/1 bánh Heroin, T2 và M1 (M2) chia đôi lãi. Sau khi thoả thuận, khoảng 01 tháng sau, chuyển hàng lần đầu tiên, T3 thông báo bán cho 20 bánh Heroin, do nhà T2 gần ngã ba CN, T2 có trách nhiệm nhận ma túy rồi giao cho M1 (M2) mang đi bán. T2 gặp một người đàn ông để nhận ma túy theo địa điểm đã hẹn, T2 gọi M1 (M2) đến lấy Heroin mang đi bán. Hai ngày sau M1 (M2) thông báo đã bán được ma túy và đã trả tiền cho T3, vì trước đó T3 có đưa cho 1 tài khoản bảo chuyển tiền vào, T2 đưa tài khoản cho M1 (M2), việc M1 (M2) chuyển tiền trả thế nào thì không rõ. Chuyển hàng thứ hai cũng phương thức như vậy, T3 bán cho 28 bánh Heroin, M1 (M2) mang số ma túy này đi bán, M1 (M2) trả tiền T3. Sau mỗi lần giao ma túy cho Vy Văn M1 (M2), T2 đều điện thoại thông báo cho Vi Văn T3 biết, M1 (M2) đã đưa T2 khoảng 500 triệu đồng tiền lãi. T2 đã bị xét xử buộc phải chịu trách nhiệm với tổng số 108 bánh ma túy Heroine, trong đó có 02 lần nhận tổng số 48 bánh ma túy Heroine với Vi Văn T3 để chuyển cho Vy Văn M1 mang đi bán, vì mong muốn được nhẹ tội, nên không thừa nhận hành vi liên quan đến 48 bánh ma túy mà T2 đã đưa cho Vy Văn M1, không khai ra Vy Văn M1. Nhưng nay T2 thấy cần phải tố giác hành vi phạm tội của Vy Văn M1 ra trước pháp luật, T2 bị giam không biết có việc mâu thuẫn hay không, nên M1 (M2) cho rằng vì mâu thuẫn với người nhà T2 là không có căn cứ, không liên quan đến việc mua bán ma túy giữa T2 và Minh.

[2.2.3]. Lời khai của Hà Viết T2 và Vi Văn T3 phù hợp với lời khai của bà Phạm Thị T8, xác định khoảng năm 2013, Vy Văn M1 đã nhiều lần mang tiền Trung Quốc đến đổi với bà để lấy tiền VNĐ. Mỗi lần đổi tiền, Vy Văn M1 bảo bà chuyển một phần tiền đến số tài khoản 1483205016620 do Vy Văn M1 cung cấp, một phần trả trực tiếp cho Vy Văn M1. Trường hợp số dư trong tài khoản của bà không còn đủ để chuyển khoản theo yêu cầu của Vy Văn M1, thì bà nộp tiền mặt tại phòng giao dịch của Ngân hàng. Bà không biết nguồn gốc số tiền mà Vy Văn M1 đổi, không biết chủ số tài khoản 1483205016620 là ai, không có quan hệ làm ăn gì với người tên Nguyễn Văn T6, Nguyễn Duy T5.

[2.2.4]. Lời khai của T3, T2 và bà T8 phù hợp với lời khai của bà Lê Bích T4 xác định, khi T3 đến đặt vấn đề mua Đôla Mỹ, bà T4 liên hệ người đàn ông tên T9 ở số 75 Hàng Bạc, T9 yêu cầu phải chuyển tiền Việt Nam vào tài khoản trước thì sẽ gửi trả Đôla Mỹ. Bà T4 nói với T3 được T3 đồng ý và bảo cho tài khoản để người của T3 chuyển tiền vào tài khoản, bà T4 liên hệ T9 cho số tài khoản 1483205016620 mang tên Nguyễn Văn T6 (nhân viên cửa hàng). Bà T4 cho T3 số tài khoản này để chuyển tiền như thoả thuận. Khoảng tháng 9/2013, người của T3 bắt đầu chuyển tiền vào tài khoản, T3 gọi điện báo là người của T3

đã chuyển tiền, Bà T4 báo lại cho T9, T9 xác nhận đổi ra Đôla Mỹ chuyển cho T4. Bà T4 báo cho T3 đã nhận được tiền và báo T3 đến nhận Đôla Mỹ theo tỷ giá.

[2.2.5]. Lời khai của Bà T4 và T3, T2, bà T8 phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Văn T6 có số tài khoản mà người của T3 gửi tiền vào, T6 đi rút về đưa cho Giám đốc Công ty vàng bạc; phù hợp sao kê tài khoản việc anh T6 rút tiền thể hiện. Ngày 11/9/2013 nội dung “Mừng trả tiền” 02 tỷ và ngày 20/9/2013 là 04 tỷ ghi “Mừng trả tiền”. Ngày 23/9/2013, Mừng trả 04 tỷ. Ngày 18/10/2013 ghi nội dung Vi Văn M2 - Lạng Sơn chuyển tiền hàng. Phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Duy T5 (Giám đốc) xác nhận: T7 chuyển tiền cho anh Nguyễn Văn T6 (nhân viên) để cùng Công ty đổi Đôla Mỹ cho Bà T4, Bà T4 chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn Văn T6 1483205016620.

[2.2.6]. Lời khai của T3, T2, H1, **Lô** Quang T7, bà T8, Bà T4, ông Nguyễn Duy T5 (Giám đốc) và anh Nguyễn Văn T6 (nhân viên) phù hợp logic với nhau về đường đi của 48 bánh Heroin: T3 mua của Vi Văn H1, H1 thuê **Lô** Quang T7 vận chuyển từ Nghệ An ra Lạng Sơn giao cho Vi Văn T3, giao tại Ngã ba đường Bê tông, Thôn CN, xã TM, huyện Văn Lang, tỉnh L. Khi Lô Quang T7 vận chuyển gần đến nơi, T3 gọi điện cho Hà Viết T2 và Vy Văn M1 ra địa điểm nhận buôn ma túy, T2 giao cho M1, M1 mang sang Trung Quốc bán; phù hợp dòng tiền khi M1 bán ma túy xong bằng Nhân dân tệ đổi tiền Việt chuyển trả cho T3, T3 đổi sang Đôla Mỹ. Phù hợp kết luận giám định khối lượng 01 bánh ma túy Heroin.

[2.2.7]. Vụ án do Vi Văn T3 và các đồng phạm phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy đã được Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử ngày 24/10/2018. Quá trình điều tra đối với vụ án nói trên, Vi Văn T3 đã khai Vy Văn M1, Hà Viết T2 là người mua ma túy với Vi Văn T3; Vy Văn M1 là người thanh toán tiền mua ma túy qua việc chuyển khoản đến số tài khoản 1483205016620; nhưng khi đó Hà Viết T2 không nhận tội nên không khai ra Vy Văn M1. Ngày 13/4/2021, Hà Viết T2 có đơn tố giác hành vi mua bán ma túy của Vy Văn M1, đây là sự chuyển biến về nhận thức và trách nhiệm của công dân Hà Viết T2; kết quả điều tra, xác minh nội dung đơn tố giác phù hợp với lời khai của Vi Văn T3 đã khai trước đó. Lời khai của Anh Hà Viết T2 phù hợp với lời khai của anh Vi Văn T3, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và diễn biến của vụ án.

[2.2.8]. Với những căn cứ nêu trên, đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của bị cáo Vy Văn M1 (M2) như sau: Vào khoảng tháng 6 và khoảng tháng 9 năm 2013, Vy Văn M1 (M2) cùng Hà Viết T2 với Vi Văn T3 đã 02 lần mua bán tổng cộng 48 bánh ma túy Heroine, có tổng khối lượng 15.360.000 gam đến 18.240.000 gam. Thời điểm bị cáo thực hiện việc Mua bán trái phép chất ma túy là năm 2013, khi đó Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành, nhưng đến năm 2021 hành vi của bị cáo mới bị phát hiện. Do vậy, hành vi của bị cáo

Vy Văn M1 (M2) đủ yếu tố cấu T2 tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, vi phạm tình tiết định khung hình phạt: “Heroin hoặc côcain có trọng lượng từ một trăm gam trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015). Tuy nhiên cần áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc hội để xem xét đến những quy định có lợi của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Vy Văn M1 (M2): bị cáo mua bán 02 lần tổng cộng 48 bánh ma túy Heroine, có tổng khối lượng 15.360.000 gam đến 18.240.000 gam. Hành vi của bị cáo Vy Văn M1 đủ yếu tố cấu T2 tội Mua bán trái phép chất ma túy, vi phạm tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015); Hành vi tàng trữ chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng 3,671 gam (đã trừ bì) phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như nhận định nêu trên. Do vậy, kháng cáo kêu oan của bị cáo Vy Văn M1 (tên gọi khác: Vy Văn M2; Vi Văn M1) là không có cơ sở, không được chấp nhận.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tác hại rất lớn về nhiều mặt cho đời sống xã hội; Heroine và Methamphetamine là các chất ma túy độc hại, tàn phá và hủy hoại sức khỏe con người, nguyên nhân chính phát sinh ra các loại tội phạm khác trong đời sống; bị cáo nhận thức đầy đủ về tác hại của ma túy và tệ nạn về ma túy, nhưng vẫn cố ý mua bán trái phép chất ma túy nhằm thu lợi bất chính, tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, thể hiện thái độ bất chấp pháp luật, không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội nhiều lần, phạm nhiều tội, với khối lượng ma túy mua bán rất lớn. Do vậy, cấp phúc thẩm đồng tình cần thiết phải có hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo, mục đích để răn đe, phòng ngừa tội phạm chung, góp phần đấu tranh phòng, chống tệ nạn và các tội phạm về ma túy trong đời sống xã hội. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, với khối lượng ma túy mua bán rất lớn, trong khi tình hình tội phạm về ma túy ngày càng có xu hướng diễn biến phức tạp. Trên cơ sở đánh giá khách quan, đầy đủ các chứng cứ của vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đúng tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, xử phạt bị cáo với mức hình phạt chung cho cả hai tội: Tử hình là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt mới, nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, cấp phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Đối với quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Xét thấy, có đủ căn cứ kết tội bị cáo như nhận định trên, vì vậy, Luật sư đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở và được chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận, nên phải nộp án phí phúc thẩm hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vy Văn M1 (tên gọi khác: Vy Văn M2; Vi Văn M1).

2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2022/HS-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều 20, 53, 45, 35 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Nghị Quyết 41/2017/QH.14; điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 58, 50, 40, 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 1 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vy Văn M1 (tên gọi khác: Vy Văn M2; Vi Văn M1) phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Vy Văn M1 (tên gọi khác: Vy Văn M2; Vi Văn M1) Tử hình, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm tù, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo Vy Văn M1 (tên gọi khác: Vy Văn M2; Vi Văn M1) phải chấp hành hình phạt chung là: Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung đối với bị cáo Vy Văn M1 (tên gọi khác: Vy Văn M2; Vi Văn M1) số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận vợ bị cáo là bà Mông Thị L1 đã nộp số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000414

ngày 05/8/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L.

3. Về án phí: Bị cáo Vy Văn M1 (tên gọi khác: Vy Văn M2; Vi Văn M1) phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Vy Văn M1 (tên gọi khác: Vy Văn M2; Vi Văn M1) có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xin ân giảm án tử hình.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh L;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Lực

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Lệ

Thái Duy Nhiệm

Đặng Đình Lực